

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH E**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19-9-2024

V/v ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Đ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Đình P.

2. Bà Huỳnh Thị Tuyết M.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hoài T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh E.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đào Thị Lệ A** – Sinh năm: 1979; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh E (có mặt).

Bị đơn: Anh **Lê Thanh L** – Sinh năm: 1979; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện D, tỉnh E (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2023 và các lời khai, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đào Thị Lệ A yêu cầu:

1.1. Về hôn nhân: Chị Đào Thị Lệ A và anh Lê Thanh L có tìm hiểu và đi đến với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh E vào ngày 08 tháng 12 năm 2004. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh L không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống và anh L có hành vi ngoại

tình với người khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ cuối năm 2020, chị và anh Lê Thanh L không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay và cũng từ đó vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thanh L.

1.2. Về con chung của vợ chồng: Chị Đào Thị Lệ A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Đào Thị Lệ A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Lê Thanh L, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cũng như các thông báo hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh Lê Thanh L cố tình lẩn tránh từ chối khai báo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Thanh L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Lê Thanh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Lệ A và anh Lê Thanh L có tìm hiểu và đi đến với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh E vào ngày 08 tháng 12 năm 2004. Hôn nhân của chị A và anh L là hợp pháp, phù hợp với Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu nhau, bất đồng về quan điểm sống. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ cuối năm 2020, chị và anh L không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay và cũng từ đó vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Ngày 22 tháng 8 năm 2023, chị Đào Thị Lệ A làm đơn khởi kiện ly hôn gửi đến Tòa án. Quá trình Tòa giải quyết, anh Lê Thanh L cố tình lẩn tránh, tại phiên tòa hôm nay anh L cũng cố tình lẩn tránh nên Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh L. Tòa xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Đào Thị Lệ A và anh Lê Thanh L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đào Thị Lệ A là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đào Thị Lệ A không yêu cầu, anh Lê Thanh L cố tình lẩn tránh không ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị Đào Thị Lệ A không yêu cầu, anh Lê Thanh L cố tình lẩn tránh không ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí HNST: Chị Đào Thị Lệ A phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Đào Thị Lệ A được ly hôn với anh Lê Thanh L.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí HNST: Chị Đào Thị Lệ A phải chịu 300.000^d sung ngân sách Nhà nước, chị A đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện 600.000^d theo biên lai thu tiền số 0006752 ngày 07/3/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện D nay được khấu trừ và hoàn trả cho chị A 300.000^d.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã C, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Văn Đ